

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG ĐIỀN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ-ST

Ngày 14-01-2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 216/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Ngọc L, sinh năm: 1982 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số 35, tổ 16, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm: 1987 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 3/3 Ô1, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn anh Phạm Ngọc L trình bày:

Anh Phạm Ngọc L và chị Nguyễn Thị Kim T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 161/256, quyển số 01/2006 ngày 19-10-2007.

Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 sau khi sinh cháu Phạm Quốc C thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và giao con lại cho anh L nuôi dưỡng từ đó cho đến nay. Từ khi chị T bỏ đi vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm mà để mặc cho mâu thuẫn đến đâu thì đến và hiện nay chị T đã có gia đình mới. Vì vậy, anh L yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Phạm Quốc C, sinh ngày 15-5-2008, anh L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đến tuổi thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 19-11-2021, anh L đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Kim T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do. Tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 18-5-2021, chị T có ý kiến như sau:

Chị T và anh L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2007, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Năm 2008, sau khi sinh con do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và để con lại cho anh L nuôi dưỡng. Từ đó đến nay vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm, do tình cảm vợ chồng không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh L.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Chị T đồng ý giao cháu Phạm Quốc C cho anh L nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do thường xuyên đi làm ăn xa không có điều kiện đến Tòa án giải quyết vụ việc và để bảo đảm an toàn trong tình hình dịch bệnh nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 205, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 225, 237 và 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Quá trình tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị T; giao cháu Phạm Quốc C cho anh L nuôi dưỡng. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ sau ly hôn được giải quyết theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện anh L yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với chị T được xác định quan hệ tranh chấp là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa nguyên đơn và bị đơn vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì thấy: Anh L và chị T tự nguyện chung sống với nhau, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện Long Điền cấp giấy chứng nhận kết hôn số 161/256, quyền số 01/2006 ngày 19-10-2007 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Anh L và chị T thừa nhận sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2008 thì xảy ra mâu thuẫn nên chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột ở và để con lại cho anh L nuôi dưỡng từ đó cho đến nay. Vợ chồng đã có một thời gian dài sống mỗi người một nơi, nhưng không hàn gắn được tình cảm nên anh L yêu cầu được ly hôn và chị T cũng đồng ý cho thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào

Điều 56 của Luật Hôn và nhân gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của anh L là có cơ sở chấp nhận .

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Theo nguyện vọng của cháu Phạm Quốc C là được ở với cha, anh L yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và chị T cũng đồng ý nên giao cho anh L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc anh L không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phạm Ngọc L về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” đối với chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Kim T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Phạm Quốc Chiến, sinh ngày 15-5-2008 cho anh Phạm Ngọc L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Nguyễn Thị Kim T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Anh Phạm Ngọc L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009808 ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. “Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND xã Phước Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hoàng Đức